TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ - ST
Ngày 22/3/2022
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Hoàng

Các Hội thẩm nhân: 1. Bà Điêu Thị Châu

2. Bà Vũ Thị Thu

Thư ký Tòa án: Ông Tòng Văn Cách - Thư ký Toà án huyện Q, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:

Ông Vừ Bả Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2022/TLST- HNGĐ ngày 26/10/2021 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXX - ST ngày 24 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị I

Nơi ĐKHKTT: Bản M, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn T

Nơi ĐKHKTT: Bản M, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q; Địa chỉ: X1, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lò Thị I đề ngày 22/10/2021, bản tự khai ngày 16/11/2021 và bản tự khai bổ sung ngày 19/01/2022 nguyên đơn trình bày:

Giữa chị và bị đơn anh Lò Văn T kết hôn từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Đến cuối năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn và cuộc sống không hạnh phúc; Nguyên nhân của những mâu thuẫn là chồng tôi không chịu khó lao động hay uống rượu về còn chửi mắng đe dọa về tinh thần có lúc còn đánh đập vợ con nhiều lần và không quan tâm đến vợ con, nên tôi và anh T đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2020 đó đến nay. Nếu tiếp tục chung sống sẽ ảnh hưởng sức khỏe của cả hai bên và ảnh hưởng đến tâm lý sự phát triển của con cái, nay tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh Lò Văn T.

Về con chung: Chị Lò Thị I khai vợ chồng chúng tôi có 02 con chung;

1: Cháu Lò Quang H, sinh ngày 19/9/2009

2: Cháu Lò Quang H, sinh ngày 06/6/2012

Hiện nay cả 02 cháu đang sống cùng chị tại: Bản M, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La, chị sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu H, cháu H và chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung: Chị I khai, vào ngày 09/7/2020 tại nhà của vợ chồng chị và anh T đã tiến hành lập biên bản thỏa thuận chia tài sản có sự chứng kiến của hai bên gia đình nội, ngoại và chính quyền địa phương tham gia chứng kiến việc chia tài sản của hai vợ chồng và chị I đề nghị giữ nguyên theo biên bản đã thỏa thuận về việc phân chia tài sản nêu trên.

Về phần nợ chung: Vợ chồng chị I, anh T có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q là 50.000.000đ, tại bản tự khai bổ sung ngày 19/01/2022 chị I khai do chị được chia 02 con bò và 01 con lợn (Tiền mua bò và lợn là tiền vay từ Ngân hàng chính sách xã hội Q) khi ly thân, nên chị sẽ tự chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q là 50.000.000đ và không yêu cầu anh T trả nợ cùng.

Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa anh Lò Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí như lời trình bày của chị Lò Thị I về quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống. Còn nguyên nhân mâu thuẫn một phần là do anh hay uống rượu, lười lao động và đôi khi còn có hành vi mắng chửi và đánh vợ con vô cớ. Nay chị Inh yêu cầu xin ly hôn, anh đồng ý. Nhưng chị I phải trả lại 02 con bò và 01 con lợn và phải tự chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q là 50.000.000đ.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị I trình bày và anh đồng ý với nguyện vọng của hai con là được ở với chị I.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tại phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong

quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 48, Điều 68, Điều 93, 94, 95, 96, 97, Điều 195, 196, Điều 203, Điều 208, Điều 211, Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014; Chấp nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Lò Thị I và anh Lò Văn T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 58, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình 2014; Giao 02 cháu Cháu Lò Quang H, sinh ngày 19/9/2009 và Cháu Lò Quang H, sinh ngày 06/6/2012 cho chị Lò Thị I trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu. Anh Lò Văn T không phải cấp dưỡng nuôi chung cùng chị I. Anh Lò Văn T có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về tài sản chung: Đề nghị HĐXX giữ nguyên theo biên bản thỏa thuận chia tài sản ngày 09/7/2020 giữa chị Inh và anh T, biên bản có sự chứng kiến của trưởng bản M là ông Lò Văn P – Trưởng bản. Đồng thời để đảm bảo trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q và nuôi dạy hai cháu ăn học. Do đó cần bác yêu cầu của anh Lò Văn T đối với số tài sản nêu trên.

Chị I, anh T không phải chịu án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đây là quan hệ tranh chấp về "Hôn nhân và gia đình" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, giữa nguyên đơn chị Lò Thị I, sinh năm 1988 và bị đơn anh Lò Văn T, sinh năm 1985 đều đăng ký HKTT tại bản M, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Sơn La.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lò Thị I và anh Lò Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 12/3/2009 tại UBND xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La. Điều đó phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn của chị I và anh T do UBND xã M, huyện Q cấp và chị I giao nộp tại hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của chị I, anh T là hợp pháp.

Tình trạng hôn nhân vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, thì cuối năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên ngày căng thẳng và đến tháng 10/2020 chị I đã đưa các con bỏ về nhà bố, mẹ đẻ sống, tuy không được sự đồng ý của anh T. Nguyên nhân là do anh T hay uống rượu về chửi mắng vợ, con, có hành vi đánh vợ, con, có lúc còn cầm dao đuổi ba mẹ con ra khỏi nhà và thiếu trách nhiệm trong cuộc sống gia đình.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án anh Lò Văn T đồng ý ly hôn, nhưng không đồng ý về việc phân chia tài sản theo biên bản thỏa thuận, nhưng anh T không đưa ra được các chứng cứ, biện pháp gì để có phương hướng cùng nhau trả nợ chung của vợ chồng cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q, hiện nay vợ chồng vẫn sống ly thân và không quan tâm đến nhau, anh T chỉ đòi lại số tài sản để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân, không chăm lo cuộc sống và hạnh phúc gia đình. Điều đó chứng tỏ vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014, xử cho chị Lò Thị I được ly hôn anh Lò Văn T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị I và anh Lò Văn T có 02 con chung là: Cháu Lò Quang H, sinh ngày 19/9/2009 và Cháu Lò Quang H, sinh ngày 06/6/2012, hiện nay cả 02 cháu H và cháu H sức khỏe vẫn tốt, học hành bình thường. Xét điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H và cháu H của chị I và anh T; Hội đồng xét xử thấy:

- Tại biên bản ghi lời khai và biên bản ghi ý kiến của cháu Lò Quang H và cháu Lò Quang H thì nguyện vọng của 02 cháu là được ở với mẹ và không yêu cầu bố cấp dưỡng gì. Đồng thời 02 cháu Lò Quang H và cháu Lò Quang H cần sự chăm sóc của người mẹ thì mới đảm bảo các điều kiện cần thiết cho các cháu phát triển bình thường, cháu H năm nay gần 13 tuổi và cháu H mới được 11 tuổi. Còn anh Lò Văn T thường xuyên uống rượu và say rượu nên không đảm bảo cuộc sống cần thiết cho 02 cháu H và cháu H được. Để đảm bảo quyền lợi của các con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị I, giao 02 cháu H và cháu H cho chị I chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi 02 cháu cùng chị I là phù hợp theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết nhưng anh T yêu cầu buộc chị I trả lại hai con bò, 01 con lợn mà chị I mang theo khi sống ly thân, xét thấy chị I phải trả nợ số tiền 50.000.000đ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q, đây là nợ chung của hai vợ chồng, tiền này là tiền vay phát triển chăn nuôi bò, nên cần giao cho số tài sản trên cho chị I tiếp tục chăn nuôi tạo điều kiện thu nhập để trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q và nuôi dạy hai cháu ăn học cho đến khi hai cháu trưởng thành (đủ 18) tuổi. Do đó cần bác yêu cầu của anh Lò Văn T đối với số tài sản nêu trên.

[5]. Về nợ chung: Vợ chồng chị I và anh T có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q là 50.000.000đ, tại bản tự khai bổ sung ngày 19/01/2022 chị I khai do chị được chia 02 con bò và 01 con lợn (Tiền mua bò và lợn là tiền vay từ Ngân hàng chính sách xã hội Q) người đứng tên vay vốn là chị, nên chị sẽ có chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q là 50.000.000đ tiền gốc và lãi suất phát sinh, chị không yêu

cầu anh T trả nợ cùng và chị đề nghị Tòa án giải quyết giữ nguyên số tài sản đã phân chia theo biên bản mà chị và anh T đã thỏa thuận vào ngày 09/7/2020.

[6] Tại công văn số: 02/NHCS - CV ngày 13/01/2022 của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q, có ý kiến như sau: Hộ gia đình bà Lò Thị I được vay vốn tại NHCSXH huyện Q, chương trình cho vay Phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi, đại diện đứng tên vay vốn là bà Lò Thị I (vợ) mã sổ vay vốn 1600061791, mã khế ước khoản vay 6600000713742245, số tiền vay là 50.000.000đ, ngày vay 26/92018 hạn trả nợ cuối cùng là ngày 13/9/2023, lãi suất cho vay là 3,3%/năm, mục đích sử dụng tiền vay là chăn nuôi bò, số tiền trên không phải thế chấp tài sản. Dư nợ đến ngày 13/01/2022 là 50.000.000đ và lãi phát sinh. Phòng giao dịch NHCSXH huyện Q kính đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Nhai giao trách nhiệm trả khoản nơ vay trên cho bà Lỏ Thị I là người đứng tên vay vốn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NHCSXH huyện Q khi đến hạn trả nợ, đảm bảo việc thu hồi vốn tín dụng chính sách cho Nhà nước. Do điều kiện công việc NHCSXH huyện xin vắng mặt không tham gia tố tụng đối với vụ án xin ly hôn của chị I và anh T. Phòng giao dịch NHCSXH huyện Q nhất trí với ý kiến khai bổ sung của nguyên đơn chị Lò Thị I với số tiền nợ nêu trên và các Quyết định của Tòa án về việc giao trách nhiệm trả nợ.

[7] Về án phí: Nguyên đơn; Chị Lò Thị I không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí giá ngạch theo quy định chung của pháp luật. *(Vì thuộc xã nghèo, xã vùng 3, xã đặc biệt khó khăn của huyện Quỳnh Nhai).*

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lò Thị I.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị I được ly hôn với anh Lò Văn T.

2/ Về con chung: Chị Lò Thị I và anh Lò Văn T có 02 con chung là: Lò Quang H, sinh ngày 19/9/2009 và Cháu Lò Quang H, sinh ngày 06/6/2012; Giao 02 cháu Lò Quang H và Cháu Lò Quang H cho chị Lò Thị I trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu H, cháu H cho đến khi 02 cháu trưởng thành (18 tuổi). Anh Lò Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Inh. Anh Lò Văn T có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3/ Chị Lò Thị I phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q là 50.000.000đ và lãi suất phát sinh, theo mã sổ vay vốn 1600061791, mã khế ước khoản vay 6600000713742245.

4/ Về án phí: Chị Lò Thị I không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí giá ngạch.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nguyên đơn chị Lò Thị I và bị đơn anh Lò Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 22/3/2022.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La.

Nơi nhận:
- Toà án ND Tỉnh;
- VKSND Huyện (02);
- THA dân sự;
- Các đương sự (03);
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bàn Văn Hoàng